



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992	
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995	
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995	
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996	
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997	
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997	
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005	
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006	
	Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp		
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003	
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003	
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004	
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007	
	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008	
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008	
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010		
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011		
472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013		
Do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp			
Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.			
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch	
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên	
	Ông Shen San Yi	Thành viên	
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên	
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc	
	Ông Chen Chung Kuang	Phó Tổng Giám đốc	
Trụ sở đăng ký			
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam		
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam		
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam		

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 4 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2013, như được trình bày từ trang 4 đến 37. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		454.191.131.967	488.105.958.795
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	125.071.825.112	127.946.893.899
Tiền	111		30.071.825.112	17.746.893.899
Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	110.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.738.340.410	143.397.955.943
Phải thu khách hàng	131		186.821.402.716	143.161.649.009
Trả trước cho người bán	132		2.934.045.200	70.288.123
Các khoản phải thu khác	135		1.692.798.954	1.875.925.271
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.709.906.460)	(1.709.906.460)
Hàng tồn kho	140	5	128.985.402.281	208.104.235.414
Hàng tồn kho	141		131.732.836.035	210.848.264.253
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.747.433.754)	(2.744.028.839)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.395.564.164	8.656.873.539
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.124.562.720	1.908.787.616
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.111.918.944	6.488.538.002
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	154		-	67.850.421
Tài sản ngắn hạn khác	158		159.082.500	191.697.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		135.984.291.808	145.711.878.081
Tài sản cố định	220		131.673.607.775	140.989.090.826
Tài sản cố định hữu hình	221	6	131.030.395.775	140.415.316.826
Nguyên giá	222		429.518.491.440	436.179.690.860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(298.488.095.665)	(295.764.374.034)
Tài sản cố định vô hình	227	7	472.500.000	529.200.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(94.500.000)	(37.800.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	170.712.000	44.574.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.310.684.033	4.722.787.255
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.313.914.178	2.776.254.177
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	996.769.855	1.946.533.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		590.175.423.775	633.817.836.876

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		300.351.677.310	356.096.138.621
Nợ ngắn hạn	310		300.351.677.310	356.096.138.621
Vay ngắn hạn	311	11	75.734.770.603	197.875.880.241
Phải trả người bán	312	12	190.982.145.975	128.534.895.322
Người mua trả tiền trước	313		19.874.608.536	21.673.269.915
Thuế phải nộp Nhà nước	314	13	8.661.363.892	1.288.989.749
Phải trả người lao động	315		3.831.470.617	5.583.446.661
Chi phí phải trả	316		1.172.220.646	1.061.975.115
Các khoản phải trả khác	319		95.097.041	77.681.618
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		289.823.746.465	277.721.698.255
Vốn chủ sở hữu	410	14	289.823.746.465	277.721.698.255
Vốn cổ phần	411	15	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	15	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	16	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(10.470.793.491)	(22.572.841.701)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		590.175.423.775	633.817.836.876

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012 VND	31/12/2012 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	4.083.709.521	1.209.007.946
Ngoại tệ	14.224.301.626	3.587.622.291

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	17	530.916.206.951	450.803.720.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		598.480.340	773.158.186
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		530.317.726.611	450.030.562.144
Giá vốn hàng bán	11	18	494.776.901.551	404.659.028.642
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		35.540.825.060	45.371.533.502
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.904.189.997	3.689.034.854
Chi phí tài chính	22	20	6.680.234.088	6.896.429.775
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.520.740.614</i>	<i>5.628.020.586</i>
Chi phí bán hàng	24		9.707.258.211	9.182.983.748
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.732.280.937	14.136.026.097
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		10.325.241.821	18.845.128.736
Thu nhập khác	31		3.170.179.242	2.532.303.373
Chi phí khác	32		49.078.895	12.643.013
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.121.100.347	2.519.660.360
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.446.342.168	21.364.789.096
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	394.530.735	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	949.763.223	172.385.577
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.102.048.210	21.192.403.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	434	760

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.446.342.168	21.364.789.096
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		11.426.516.987	11.862.221.772
Các khoản dự phòng	03		(231.647.860)	657.661.452
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.357.634.728	-
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	05		(28.153.273)	68.048.628
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.699.958.912)	(3.688.331.122)
Chi phí lãi vay	06		2.520.740.614	5.628.020.586
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		25.791.474.452	35.892.410.412
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(46.907.080.055)	12.686.257.781
Biến động hàng tồn kho	10		79.350.480.993	22.623.812.837
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		63.912.817.773	20.627.710.879
Biến động chi phí trả trước	12		(753.435.105)	217.334.806
			121.394.258.058	92.047.526.715
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.537.122.018)	(5.955.795.820)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(2.607.462.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		118.857.136.040	83.484.268.417
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.485.981.001)	(566.820.841)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		72.727.273	2.727.273
Thu lãi tiền gửi	27		3.699.958.912	3.705.997.685
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		1.286.705.184	3.141.904.117

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
 (phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vay ngắn hạn	33		58.809.013.157	206.182.160.630
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(181.827.923.168)	(320.798.562.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(123.018.910.011)	(114.616.402.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.875.068.787)	(27.990.229.500)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		127.946.893.899	125.050.507.299
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	125.071.825.112	97.060.277.799

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 413 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 415 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm, và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc có ý kiến rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	885.428.900	944.340.700
Tiền gửi ngân hàng	29.186.396.212	16.802.553.199
Các khoản tương đương tiền	95.000.000.000	110.200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	125.071.825.112	127.946.893.899

5. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	36.768.897.473	60.695.024.137
Nguyên vật liệu	26.188.585.324	26.411.034.026
Sản phẩm dở dang	11.423.029.612	31.756.190.575
Thành phẩm	57.352.323.626	91.986.015.515
	<hr/>	<hr/>
	131.732.836.035	210.848.264.253
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.747.433.754)	(2.744.028.839)
	<hr/>	<hr/>
	128.985.402.281	208.104.235.414

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	1/1/2013 to 30/6/2013 VND	1/1/2012 to 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	2.744.028.839	1.947.785.186
Tăng dự phòng trong kỳ	231.647.860	913.105.372
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(228.242.945)	(766.480.460)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.747.433.754	2.094.410.098

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 13.681 triệu VND giá trị thành phẩm (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 24.453 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	144.735.473.608	271.463.146.011	8.660.736.619	3.383.592.030	7.936.742.592	436.179.690.860
Tăng trong kỳ	-	1.283.926.499	-	-	-	1.283.926.499
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	103.987.957	927.354.545	-	-	1.031.342.502
Thanh lý	-	-	(325.150.500)	-	-	(325.150.500)
Xóa sổ	-	(6.575.799.553)	(14.322.000)	(143.927.409)	(878.468.212)	(7.612.517.174)
Phân loại lại thành chi phí trả trước	(60.725.977)	(647.681.805)	(39.426.909)	(85.288.272)	(205.677.784)	(1.038.800.747)
Số dư cuối kỳ	144.674.747.631	265.627.579.109	9.209.191.755	3.154.376.349	6.852.596.596	429.518.491.440
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	67.927.449.641	209.090.058.640	8.422.467.763	2.926.085.466	7.398.312.524	295.764.374.034
Khấu hao trong kỳ	2.726.001.537	8.314.805.924	78.724.112	131.404.966	118.880.448	11.369.816.987
Thanh lý	-	-	(325.150.500)	-	-	(325.150.500)
Xóa sổ	-	(6.575.799.553)	(14.322.000)	(143.927.409)	(878.468.212)	(7.612.517.174)
Phân loại lại thành chi phí trả trước	(34.722.079)	(452.285.953)	(9.297.822)	(49.605.421)	(162.516.407)	(708.427.682)
Số dư cuối kỳ	70.618.729.099	210.376.779.058	8.152.421.553	2.863.957.602	6.476.208.353	298.488.095.665
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	76.808.023.967	62.373.087.371	238.268.856	457.506.564	538.430.068	140.415.316.826
Số dư cuối kỳ	74.056.018.532	55.250.800.051	1.056.770.202	290.418.747	376.388.243	131.030.395.775

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có số tài sản có nguyên giá 150.000 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 156.201 triệu VND).

Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Ban Giám đốc cho rằng ảnh hưởng từ việc chọn áp dụng Thông tư 45 là không trọng yếu.

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	37.800.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	94.500.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	529.200.000
Số dư cuối kỳ	472.500.000

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	44.574.000	4.601.612.402
Tăng trong kỳ	1.202.054.502	268.335.170
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.031.342.502)	(4.751.735.591)
Xóa sổ	(44.574.000)	(70.775.901)
Số dư cuối kỳ	170.712.000	47.436.080

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.709.152.171	1.067.102.006	2.776.254.177
Tăng trong kỳ	-	716.297.587	716.297.587
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(150.213.306)	(178.637.586)
Số dư cuối kỳ	1.680.727.891	1.633.186.287	3.313.914.178

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản cố định	311.019.116	290.284.508
Dự phòng	548.696.214	579.207.421
Giá trị của lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận	-	731.742.825
Khác	137.054.525	345.298.324
	996.769.855	1.946.533.078

(i) Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/6/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	28.390.372.700	4.887.601.777	32.982.545.412	5.630.923.834

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2014. Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	SIBOR + 1,5%	-	11.473.000.000
Ngân hàng Chinatrust Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	SIBOR 6 tháng + 1,15%	6.339.000.000	19.544.482.248
Ngân hàng Mega International Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh*	SIBOR 6 tháng + 1%	-	15.690.394.522
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	SIBOR 6 tháng + 1%	25.065.030.603	65.556.600.995
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hà Nội	SIBOR + 1%	-	16.979.075.577
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	SIBOR 1 tháng + 1%	-	11.036.816.983
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	SIBOR 6 tháng + 1,5%	-	12.520.300.442
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	SIBOR 6 tháng + 0,55%	10.565.000.000	5.215.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

	Mẫu B 09a – DN	
	30/6/2013	31/12/2012
Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm VND	VND
Ngân hàng Thương Hải (a)	2.000.000 USD 4,2%	16.861.740.000 8.344.000.000
Ngân hàng Thương Hải – OBU (b)	3.000.000 USD 4,3%	- 6.258.000.000
Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.000.000 USD SIBOR 6 tháng + 1%	- 8.828.395.781
Ngân hàng ANZ Vietnam	5.000.000 USD 0,5% năm trên giá vốn của quỹ - được quyết định trên mỗi giao dịch	- 4.172.000.000
Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD USD: SIBOR/ COF Chi nhánh HCM + 1,5% VND: COF Chi nhánh HCM + 1,5%	12.678.000.000 12.257.813.693
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND USD: 3,5% VND: COF Chi nhánh Đồng Nai + 1,5%	4.226.000.000 -
		<hr/> 75.734.770.603 197.875.880.241 <hr/>

a. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

b. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ)	180.097.515.444	120.140.738.227

Khoản phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.936.340.974	579.911.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.680.314	-
Thuế nhập khẩu	213.567.521	148.734.452
Thuế thu nhập cá nhân	184.775.083	560.343.740
	<u>8.661.363.892</u>	<u>1.288.989.749</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vốn chủ sở hữu

Biến động trong kỳ của vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(56.943.974.300)	243.350.565.656
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.192.403.519	21.192.403.519
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(35.751.570.781)	264.542.969.175
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	13.178.729.080	13.178.729.080
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(22.572.841.701)	277.721.698.255
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.102.048.210	12.102.048.210
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(10.470.793.491)	289.823.746.465

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Vốn cổ phần/Cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

16. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ thành phẩm đã bán	530.610.357.978	450.803.720.330
▪ Doanh thu từ hàng hoá đã bán	305.848.973	-
	<hr/> 530.916.206.951	<hr/> 450.803.720.330
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(598.480.340)	(773.158.186)
	<hr/> 530.317.726.611	<hr/> 450.030.562.144

18. Giá vốn hàng bán

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
▪ Thành phẩm đã bán	494.300.584.116	404.512.403.730
▪ Hàng hoá đã bán	244.669.575	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	231.647.860	146.624.912
	<hr/> 494.776.901.551	<hr/> 404.659.028.642

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	3.699.958.912	3.688.331.122
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	204.231.085	703.732
	<hr/> 3.904.189.997	<hr/> 3.689.034.854

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Chi phí tài chính

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	2.520.740.614	5.628.020.586
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.801.858.746	1.268.409.189
Lỗi thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.357.634.728	-
	6.680.234.088	6.896.429.775

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	307.367.609	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	87.163.126	-
	394.530.735	-
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	949.763.223	172.385.577
Chi phí thuế thu nhập	1.344.293.958	172.385.577

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	13.446.342.168	21.364.789.096
Thuế tính theo thuế suất Công ty	2.016.951.325	3.204.718.364
Chi phí không được khấu trừ thuế	243.492.776	578.195.015
Ưu đãi thuế	(895.584.701)	-
Ảnh hưởng của thuế suất khác	635.593.489	414.296.102
Lỗi tính thuế được sử dụng	(743.322.057)	(4.024.823.904)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	87.163.126	-
Chi phí thuế thu nhập	1.344.293.958	172.385.577

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty tại Đồng Nai có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Chi nhánh của Công ty tại Hải Dương có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập (2005-2016) và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho bốn năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là năm năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	12.010.324.814	21.192.403.519
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	12.010.324.814	21.192.403.519

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	1/1/2013 đến 30/6/2013	1/1/2012 đến 30/6/2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (ngày 30 tháng 6 năm 2013: Không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co. Ltd., các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Ban Giám đốc	651.299.800	977.741.770
Hội đồng Quản trị	1.368.494.900	1.618.190.858
	2.019.794.700	2.595.932.628

Giao dịch với công ty mẹ

	Giá trị giao dịch	
	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Mua nguyên vật liệu	366.971.118.818	348.354.982.337
Phí bản quyền	672.358.751	444.114.548

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của công ty mẹ. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	4.090.656.995	4.038.466.960
Từ hai đến năm năm	16.362.627.978	16.153.867.839
Trên năm năm	91.153.681.190	91.789.684.233
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	111.606.966.163	111.982.019.032

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 khoản sau:

- Phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê tối thiểu hàng năm là 109.798 USD bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25.885 USD cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong mười năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.
- Phí thuê đất ở tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND từ năm thứ tám sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 16 tháng 7 năm 2042.

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	410.135.316.036	363.130.056.849
Chi phí nhân công	22.827.511.549	21.648.490.336
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.426.516.987	11.862.221.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.499.176.201	17.792.585.831
Các chi phí khác	7.027.143.433	6.578.060.999
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	124.186.396.212	127.002.553.199
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	186.804.295.210	143.327.667.820
		<hr/>	<hr/>
		310.990.691.422	270.330.221.019

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	160.459.133.242	113.737.286.734
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	18.803.116.393	15.880.949.217
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.977.908.135	8.784.226.489
Quá hạn trên 180 ngày	3.564.137.440	4.925.205.380
	186.804.295.210	143.327.667.820

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	1.709.906.460	898.869.920
Tăng dự phòng trong kỳ	-	517.536.540
Hoàn nhập	-	(6.500.000)
	1.709.906.460	1.409.906.460

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	196.080.934.279	196.080.934.279	196.080.934.279
Vay ngân hàng	75.734.770.603	76.260.666.650	76.260.666.650
	271.815.704.882	272.341.600.929	272.341.600.929

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	135.257.998.716	135.257.998.716	135.257.998.716
Vay ngân hàng	197.875.880.241	200.501.450.854	200.501.450.854
	333.133.878.957	335.759.449.570	335.759.449.570

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái, sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	673.179	172.152
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.157.685	1.133.288
Vay ngắn hạn	(3.584.230)	(8.984.462)
Phải trả người bán và phải trả khác	(8.672.878)	(5.867.682)
	(9.426.244)	(13.546.704)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.130	20.815

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu	
	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
USD (mạnh thêm 5%)	(8.465.002.768)	(14.807.076.868)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	311.149.773.922	270.521.918.519
Nợ phải trả tài chính	(196.080.934.279)	(135.257.998.716)
	115.068.839.643	135.263.919.803
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(75.734.770.603)	(197.875.880.241)

Dánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ tài chính có lãi suất cố định

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm. Do đó sự biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh theo khoản tiền được thể hiện dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

30/6/2013	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(237.842.403)	237.842.403	(237.842.403)	237.842.403
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(237.842.403)	237.842.403	(237.842.403)	237.842.403
31/12/2012	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(350.089.498)	350.089.498	(350.089.498)	350.089.498
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(350.089.498)	350.089.498	(350.089.498)	350.089.498

(e) Giá trị hợp lý

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý đối với mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Giá trị ghi sổ gần bằng với giá trị hợp lý tương ứng do các công cụ này đáo hạn trong ngắn hạn.

Các khoản vay ngân hàng

Giá trị ghi sổ của các khoản vay xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên lãi suất vay hiện tại của các khoản vay ngân hàng với các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

(f) Phân loại các công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tất cả các tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Tất cả nợ phải trả tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Số liệu so sánh


Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND (phân loại lại)	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND (theo báo cáo trước đây)
Khấu hao và phân bổ	02	11.862.221.772	12.079.556.578
Biến động chi phí trả trước	12	217.334.806	-

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:

